

Số: /QĐ-TTYT

Hoài Nhơn, ngày tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC TTYT THỊ XÃ HOÀI NHƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính quy định Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2963/QĐ-SYT ngày 30/12/2022 của Sở Y tế Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-UB ngày 25 tháng 11 năm 1991 của UBND huyện Hoài Nhơn về việc ban hành quy chế, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy TTYT huyện Hoài Nhơn và Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc đổi tên Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn thành Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán Trung tâm Y tế thị xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 (Kinh phí chi thường xuyên và chi không thường xuyên) của TTYT Hoài Nhơn theo Biểu số 2 đính kèm bên dưới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Trưởng các Khoa, Phòng, Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn tổ chức thực hiện quyết định này kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Y tế Bình Định (b/c);
- Ban giám đốc(b/c);
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, TCKT.

Trần Hữu Vinh

Biểu số 2 – Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

Đơn vị: TTYT thị xã Hoài Nhơn.

Chương: 423.

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTYT ngày /01/2023 của TTYT thị xã Hoài Nhơn)

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Bệnh viện	Y tế xã, YTT	Khoa KSBT, HIV/AIDS ,Y tế công cộng, Dinh dưỡng và ATTP	Phòng dân số
	Mã số QHSDNS			1047707	1047707	1047707	1047707
	Mã số Loại			130	130	130	130
	Mã số Khoản			132	139	131	151
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Nguồn ngân sách trong nước						
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.496.000	19.496.000	0	15.652.000	3.124.000	720.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ của Y tế xã	19.131.000	19.131.000		15.287.000	3.124.000	720.000
	- Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	18.864.200	18.864.200		15.095.200	3.064.000	705.000
	<i>Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương</i>	<i>16.463.000</i>	<i>16.463.000</i>		<i>13.369.000</i>	<i>2.524.000</i>	<i>570.000</i>
	<i>Chi hoạt động thường xuyên bộ máy</i>	<i>2.401.200</i>	<i>2.401.200</i>		<i>1.726.200</i>	<i>540.000</i>	<i>135.000</i>
	- Tiết kiệm 10% CCTL tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ	266.800	266.800		191.800	60.000	15.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ của Y tế thôn	365.000	365.000		365.000		
	- Phụ cấp y tế thôn theo định suất	365.000	365.000		365.000		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	448.500	448.500	0	358.500	90.000	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	448.500	448.500	0	358.500	90.000	0

	- Hỗ trợ chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn cho các đơn vị y tế, dự phòng	346.500	346.500		256.500	90.000	
	Quản lý sức khỏe công dân điện tử	102.000	102.000		102.000		
3	Sử dụng nguồn CCTL và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương	17.679.000	17.679.000	17.144.000	399.000	121.000	15.000
a	Sử dụng nguồn CCTL tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao						
b	Sử dụng nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	16.944.000	16.944.000	16.944.000			
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						
	<i>KBNN nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch</i>				<i>KBNN Hoài Nhơn</i>		